

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026

**THƯ MỜI BÁO GIÁ CÔNG CỤ DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO, HÓA
CHẤT PHỤC VỤ THỰC TẬP NĂM HỌC 2026-2027**

Về việc mời báo giá công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, hóa chất phục vụ thực tập

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, hóa chất

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2125/QĐ-CDYTHN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch mua sắm, xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng năm 2026 của Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội;

Hiện nay Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung cấp công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, hóa chất phục vụ thực tập năm học 2026-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.

- Địa chỉ: 35 Đoàn thị Điểm, P. Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Người tiếp nhận báo giá: Bà Phạm Phương Linh

- Phòng: Quản trị thiết bị



- Điện thoại: 0243 7320693

- Email: phongquantri@yhn.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận qua Email: phongquantri@yhn.edu.vn

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.

- Địa chỉ: 35 Đoàn Thị Điểm, P. Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội.

- Nhận bằng hình thức chuyển phát nhanh theo địa chỉ:

- Phòng : Quản trị thiết bị

- Địa chỉ: 35 Đoàn Thị Điểm, P. Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội.

5. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 16h00 ngày 02 tháng 6 năm 2026 đến trước 17h ngày 12 tháng 06 năm 2026.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối đa 120 ngày, kể từ ngày chào giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Tên, thông số kỹ thuật, số lượng, giá công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, hóa chất chi tiết và cụ thể như sau: (*danh mục kèm theo*)

Các đơn vị cung cấp báo giá chi phí gói thầu nêu trên phải rõ ràng, chính xác và chịu trách nhiệm về nội dung báo giá, có đầy đủ hóa đơn chứng từ.

Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội rất mong được sự quan tâm giúp đỡ của quý Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn! *lv*

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Vũ Hoàng Anh

DANH MỤC CÔNG CỤ DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO, HÓA CHẤT

(Kèm theo thư mời cung cấp công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, hóa chất ngày 02/6/2026 của Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Xuất xứ	Số lượng
CÔNG CỤ DỤNG CỤ					
1	Bếp hồng ngoại	Sunhouse	Cái	VN	6
2	Bộ đặt Nội khí quản trẻ em	gồm đèn, ống nội khí quản	Bộ	VN	6
3	Bộ đo huyết áp Alkato	không bao gồm tai nghe	cái	VN	52
4	Bộ đo huyết áp Alkato	dành cho trẻ em (kèm tai nghe)	Bộ	VN	12
5	Bộ kết nối hdmi không dây		Cái	VN	6
6	Cây livestream		Cái	VN	4
7	Dao cầu có bàn đế gỗ để thái thuốc bắc	cán dao dài 42cm; lưỡi dao và đế dao dài 34cm; chiều cao từ đế gỗ lên lưỡi dao dài 16cm; đế gỗ 55cm	Cái	Đa sĩ (Vn)	1
8	Dao thái	Cán nhựa đen: dài 27,5cm	cái	Thái Lan	5
9	Đồng hồ bấm giây	65x60x18mm	Chiếc	VN	70
10	Kéo cắt băng dính inox không gỉ		Cái	VN	22
11	Kéo cắt chỉ thẳng nhọn inox	dài 11cm	Cái	VN	20
12	Kéo to	SK5, trọng lượng 200g; KT: 30x15x4cm	cái	TQ	11
13	Kính thực tế ảo Meta Quest 3		Cái	VN	2
14	Khay cắt băng dính		Cái	VN	29
15	Khay hạt đậu		Cái	VN	26
16	Lưu lượng đỉnh kế		Cái	VN	3

TH
JON
ĐA
T
N
★

17	Ống kính kẹp điện thoại		Cái	VN	4
18	Ống nghe đôi y tế	ALKATO	Cái	VN	20
19	Ống nghe y tế	ALKATO	Cái	VN	60
20	Pank có mẫu thẳng	dài 16cm	Cái	VN	18
21	Pank không mẫu thẳng	dài 16cm	Cái	VN	21
22	Thuốc đo áp lực tĩnh mạch trung tâm		Cái	VN	2
VẬT TƯ TIÊU HAO					
23	Áo sơ sinh	Loại dành chi sơ sinh	chiếc	VN	26
24	Ấm siêu tốc		Cái	VN	6
25	Bàn chải đánh răng		Cái	VN	12
26	Bàn chải rửa tay ngoại khoa		Cái	VN	20
27	Bảng thông tin thuốc		Cái	VN	1
28	Băng dính y tế	5cm x 5m	Cuộn	VN	214
29	Băng keo chỉ thị hấp ướt 3M		Cuộn	Mỹ	2
30	Băng rôn trẻ em		Hộp	VN	3
31	Băng thun y tế	2 móc cài	Cuộn	VN	28
32	Băng vải cuộn 10 cm	Dài 4m, rộng 10cm, viền màu đỏ, chất vải dày dặn, màu trắng viền đỏ vắt sổ kỹ	Cuộn	VN	350
33	Băng vải cuộn 3 cm	Dài 4m, rộng 3cm, viền màu đỏ, chất vải dày dặn, màu trắng viền đỏ vắt sổ kỹ	Cuộn	VN	105
34	Băng vải cuộn 5cm	Dài 4m, rộng 5cm, viền màu đỏ, chất vải dày dặn, màu trắng viền đỏ vắt sổ kỹ	Cuộn	VN	83
35	Băng vải cuộn 7cm	Dài 8m, rộng 7cm, viền màu đỏ, chất vải dày dặn, màu trắng viền đỏ vắt sổ kỹ	Cuộn	VN	71
36	Bấm móng tay		cái	VN	15

37	Bật lửa		Cái	VN	20
38	Bỉm trẻ em	Loại sơ sinh	Cái	VN	61
39	Bình ĐM 100 ml	Thủy tinh	Cái	TQ	30
40	Bình ĐM 50 ml	Thủy tinh	Cái	TQ	10
41	Bình đựng nước	loại 1 lít	Cái	VN	6
42	Bình đựng nước bằng nhựa có nắp đậy	loại 1 lít	Cái	TQ	2
43	Bình nón 100 ml	Thủy tinh	Cái	TQ	30
44	Bình xịt nước phun sương	150ml	Bình	VN	60
45	Bọc tóc con sâu, màu xanh		Gói	VN	20
46	Bóng Ambu người lớn (1 bộ gồm: bóng bóp cấp cứu, mặt nạ, túi chứa khí,)	loại cho người lớn	Bộ	VN	10
47	Bóng Ambu trẻ em (1 bộ gồm: bóng bóp cấp cứu, mặt nạ, túi chứa khí, dây nối oxy, đường thông khí)	Loại dành cho sơ sinh (theo mẫu)	Bộ	VN	8
48	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng		bộ	VN	70
49	Bộ chày cối inox	Chất liệu inox. Chày: 19,5 x 5cm; cối (miệng x đáy x cao): 16x10x11cm	Bộ	VN	10
50	Bộ mask khí dung	Người lớn	Bộ	VN	20
51	Bộ quần áo liền dành cho sơ sinh	Loại dành cho sơ sinh (theo mẫu)	Bộ	VN	10
52	Bộ quần áo massage có khuy sau	quần, áo cộc tay, size M, có cúc lưng màu ghi, chất thô, ko xù	Bộ	VN	5
53	Bộ rửa dạ dày kín		Bộ	VN	50
54	Bộ thụt silicon		Bộ	VN	75
55	Bông y tế Bảo Thạch		kg	VN	9
56	Bơm tiêm 10ml	100 chiếc /hộp	Hộp	VN	37
57	Bơm tiêm 1ml	100 chiếc /hộp	Hộp	VN	38
58	Bơm tiêm 1ml	100 chiếc /hộp (Vinahanbook)	Hộp	VN	3

59	Bơm tiêm 20ml	100 chiếc /hộp	Hộp	VN	6
60	Bơm tiêm 3ml	100 chiếc /hộp	Hộp	VN	44
61	Bơm tiêm 50ml	đầu to, 25 chiếc /hộp	Hộp	VN	6
62	Bơm tiêm 50ml	đầu nhỏ, 25 chiếc /hộp	Hộp	VN	2
63	Bơm tiêm 5ml	100 chiếc /hộp	Hộp	VN	38
64	Buồng đếm Neuber		Cái	TQ	30
65	Buret thủy tinh 10 ml	Chốt bằng nhựa	Cái	TQ	10
66	Bút bi đỏ		Cái	VN	45
67	Bút bi xanh		Cái	VN	44
68	Bút dạ đỏ		Cái	VN	35
69	Bút dạ mực xanh xóa được nét nhỏ		Cái	VN	20
70	Bút dạ xanh		Cái	VN	25
71	Bút ghi kính CD marker	Màu xanh	Cái	VN	44
72	Bút tiêm Insulin		Cái	VN	10
73	Ca inox mức nước		Cái	VN	20
74	Canuyn mayo (chống cắn lưới)	Size 80mm	Cái	TQ	30
75	Canuyn thụt		Bộ	TQ	62
76	CoverSeal™-T 1 một loại keo gắn khô nhanh	120ml/chai	Chai	Mỹ	2
77	Cốc chứa mẫu của máy thử độ hoà tan	thủy tinh, 1000ml, có vạch số	Chiếc	Agilent	2
78	Cốc mỏ 250ml	Thủy tinh	Cái	TQ	16
79	Cốc nhựa đựng thuốc uống (loại lòng nông) (có ảnh mẫu kèm theo)	10ml	Cái	VN	20
80	Cốc thủy tinh trắng uống nước có vạch chia (có ảnh mẫu kèm theo)	dung tích 250ml	Cái	VN	12
81	Cu vết thạch anh		Cái	TQ	2

82	Chày cối sứ	ĐK 15cm	Bộ	TQ	10
83	Chăn hè 2 lớp	1,6mx2m	Cái	VN	10
84	Chăn mỏng	1m8 x 2m	Cái	VN	7
85	Chậu rửa mặt trẻ em		Cái	VN	4
86	Chén sứ	Thể tích: 30ml; Kích thước: Đường kính miệng: 42mm, Đường kính đáy: 26mm, Chiều cao: 42mm, Đường kính nắp 50mm	Cái	TQ	20
87	Chỉ tơ nha khoa	Kích thước: 50m	Cuộn	VN	16
88	Dao cạo râu		Cái	VN	22
89	Dao lam Croma	Hộp 10 cái	Hộp	Đức	20
90	Dây cảm biến (sensor SpO2) dành cho monitor theo dõi bệnh nhân Nellcor (sơ sinh)		Cái	VN	6
91	Dây Garo cao su (Băng esmarch)	6cmx100cm	Chiếc	VN	60
92	Dây HDMI	3m	Dây	VN	6
93	Dây hút đờm dãi	Size 16	Cái	VN	22
94	Dây hút đờm dãi	Size 8	Cái	VN	22
95	Dây hút đờm dãi	Size 6	Cái	VN	22
96	Dây hút đờm dãi	Size 14	Cái	VN	22
97	Dây hút đờm kín	size 14, dùng cho người lớn	Bộ	VN	24
98	Dây nối bơm tiêm điện	Braun 75cm	Cái	VN	95
99	Dây truyền dịch	Bộ kèm kim	Bộ	VN	56
100	Dây truyền dịch kèm bộ đếm giọt	không kim	bộ	VN	150
101	Dây truyền máu	Bộ kèm kim	Bộ	VN	130
102	Đai cố định xương đòn		Cái	VN	7
103	Đai hỗ trợ chi dưới SP-197K		Cái	VN	5

PHÒNG

104	Đĩa petri F8-10cm nhựa vô khuẩn	10 bộ/ Túi	Túi	VN	5
105	Đĩa petri thủy tinh đường kính 10cm		Bộ	VN	95
106	Độ đục MC Farland		Bộ	Pháp	1
107	Đũa thủy tinh	30cm	Cái	TQ	10
108	Ga giường màu xanh	150cm x 200cm	Cái	VN	10
109	Ga trải giường (màu trắng, bo chun)	Chiều dài 2.5m, Chiều rộng 1.5m	Cái	VN	40
110	Ga trải giường (màu trắng, không bo chun)	Chiều dài 2.5m, Chiều rộng 1.5m	Cái	VN	10
111	Gạc cầu đa khoa	50 gói/bịch	Bịch	VN	74
112	Gạc đắp phẫu thuật	loại 10 miếng/ 1 gói, theo mẫu	Gói	VN	77
113	Gạc đắp vết thương	10cmx10cmx8 lớp,50 gói/bịch	Bịch	VN	89
114	Găng dài sản khoa		Đôi	Việt Nam	95
115	Găng tay cao su rửa dụng cụ		Đôi	VN	2
116	Găng tay nilon	Hộp 100 đôi	Hộp	VN	5
117	Găng tay vô khuẩn	50 đôi/hộp Size 7,0	Hộp	VN	50
118	Găng tay vô khuẩn	Size 7.5	Hộp	VN	50
119	Găng tay vô khuẩn	Size 8,0. 50 đôi/hộp	Hộp	VN	20
120	Găng tay y tế	Hộp 100 chiếc size S	Hộp	VN	133
121	Găng tay y tế	Hộp 100 chiếc size M	Hộp	VN	270
122	Găng tay y tế	Hộp 100 chiếc size L	Hộp	VN	100
123	Gậy gỗ		Cái	VN	10
124	Gel điện tim	250ml/chai (Có mẫu)	Chai	VN	16
125	Gối	50x70cm (theo mẫu)	Cái	VN	10
126	Gối kê đầu trẻ em		Chiếc	VN	10
127	Gối kê tay		Cái	VN	100
128	Gối ôm	Bao gồm cả vỏ gối, Dài 90cm	Cái	VN	8

129	Giấy điện tim	tệp vuông	Tệp	VN	11
130	Giấy bạc nướng thức ăn	Khổ 30cm, nặng 2,5kg	Cuộn	VN	1
131	Giấy cân	10x10 cm	Kg	VN	22
132	Giấy decan Tommy	Giấy decan Tommy 108, kích thước 19x36mm; quy cách: 40 tem/ tờ; 10 tờ/tệp	Tệp	VN	40
133	Giấy in máy nước tiểu Smart U -AQ	4x5,5cm	cái	Ý	1
134	Giấy lọc Ø 9	Hộp 100 tờ	Hộp	TQ	83
135	Hồ sơ bệnh án ngoại		Quyển	VN	35
136	Hồ sơ bệnh án nội		Quyển	VN	35
137	Holder sử dụng lấy máu chân không		Cái	VN	105
138	Hộp an toàn đựng vật sắc nhọn y tế	Hộp giấy màu vàng loại 5lit	Hộp	VN	162
139	Kem đánh răng PS	80g	Tuýp	VN	10
140	Keo dán giấy Mic		Lọ	VN	30
141	Keo dán tiêu bản MCC	120 ml/lọ	Lọ	Ý	1
142	Kẹp gấp thực phẩm	28 cm	Cái	TQ	3
143	Khăn tam giác	80x85x120cm	Cái	VN	50
144	Khăn mùi xoa		Cái	VN	20
145	Khẩu trang y tế	Hộp 50 chiếc	Hộp	VN	69
146	Khẩu trang y tế N95		Cái	VN	100
147	Khoanh imipenem 10µg	50 khoanh/ tube	Tube	VN	1
148	Khoanh kháng sinh amikacin 30µg	50 khoanh/ tube	Tube	VN	2
149	Khoanh kháng sinh ceftazidime 30µg	50 khoanh/ tube	Tube	VN	1
150	Khoanh kháng sinh ceftriaxone 30µg	50 khoanh/ tube	Tube	VN	1
151	Khoanh kháng sinh chloramphenicol 30µg	50 khoanh/ tube	Tube	VN	2
152	Khoanh kháng sinh ciprofloxacin 5µg	50 khoanh/ tube	Tube	VN	2

153	Khoanh kháng sinh Erythromycin 5 μ g	50 khoanh/ tube	Tube	VN	2
154	Khoanh kháng vancomycin 30 μ g	50 khoanh/ tube	Tube	VN	1
155	Khoanh KS clindamicin 2 μ g	50 khoanh/ tube	Tube	VN	2
156	Khoanh KS Norfloxacin 10 μ g	50 khoanh/ tube	Tube	VN	2
157	Khoanh KS trimethoprim 10 μ g	50 khoanh/ tube	Tube	VN	2
158	Khoanh Oxy dase	30 khoanh/1 tube. Hãng Nam Khoa	Tube	VN	5
159	Kiềng đun đèn cồn	Chất liệu inox; 3 chân cao 13,5cm	Chiếc	VN	25
160	Kim + chỉ khâu (chỉ đỏ)		Bộ	VN	32
161	Kim bướm sử dụng lấy máu chân không	BD Vacutaniner	Cái	VN	200
162	Kim cánh bướm 23G	50 cái/hộp	Hộp	VN	16
163	Kim khâu tay lỗ số 10	1 vi/ 12 cây kim	Vi	VN	15
164	Kim lấy máu		Hộp	TQ	1
165	Kim lấy máu		Hộp	Ý	6
166	Kim lấy máu dùng cho máy thử đường huyết OGCare	50 chiếc/ hộp	Hộp	TQ	2
167	Kim lấy thuốc	18G (hộp 100c)	Hộp	VN	24
168	Kim lùn	24G (hộp 50c)	Hộp	VN	38
169	Kim tiêm của bút tiêm Insulin		Chiếc	VN	130
170	Kim tiêm vô trùng sử dụng 1 lần	Vinahankook 20G x 1.1/2. Hộp 100 cái	Hộp	VN	3
171	Lam kính	Hộp 50 cái	Hộp	Đức	72
172	Lamen KT 22mmx40mm	100 cái/ hộp	hộp	Đức	8
173	Lọ thủy tinh màu nâu 100ml	100ml, có công tơ hút	Cái	TQ	10
174	Lọ thủy tinh trắng		Cái	TQ	10
175	Lưới Amiang	Kt 20cm x 20cm	Chiếc	TQ	40
176	Màng lọc 0.2 μ l	ĐK 4.5cm.50 màng/hộp	hộp	TQ	2

177	Máy đo SpO2 kẹp tay trẻ em		Cái	VN	6
178	Miếng dán điện cực tim		Miếng	VN	255
179	Miếng tiêm tĩnh mạch giả		Miếng	VN	35
180	Nẹp gỗ	Dài 40cm, rộng 6m, dày 8-10mm	Chiếc	VN	10
181	Nẹp gỗ	Dài 70cm, rộng 6m, dày 8-10mm	Chiếc	VN	10
182	Nẹp gỗ	Dài 90cm, rộng 6m, dày 8-10mm	Chiếc	VN	10
183	Nẹp gỗ cố định gãy xương	Dài 30cm, rộng 6m, dày 8-10mm	Chiếc	VN	10
184	Nẹp nhựa treo giấy cỡ A0		Cái	VN	20
185	Ngón tay silicon		Cái	TQ	10
186	Nhiệt kế bách phân bầu rượu màu	vạch khắc chìm (màu đỏ)	Cái	VN	27
187	Nhiệt kế thủy ngân		Cái	VN	40
188	Nhíp thẳng		Cái	VN	10
189	Optiskin dán truyền	(53 x 80mm) 1 hộp 50 chiếc	Hộp	VN	31
190	Ống chạy máy máu lắng SFRI		Cái	Italya	25
191	Ống đong 100ml	Thủy tinh	Cái	TQ	13
192	Ống đong 10ml	Thủy tinh	Cái	TQ	20
193	Ống marienfeld- ống vi thể tích	100 que/lọ	Lọ	Đức	2
194	Ống máu chân không natri citrate	100 ống/ hộp	Hộp	VN	2
195	Ống máu màu Xám Chân không (glucoso tube dodium flo)	100 ống/ hộp	Hộp	VN	1
196	Ống nối chữ Y		Ống	VN	25
197	Ống nội khí quản	Kích thước 6.5	Cái	VN	35
198	Ống nội khí quản	Kích thước 7.0	Cái	VN	35
199	Ống nội khí quản	Kích thước 7.5	Cái	VN	35
200	Ống nội khí quản	Kích thước 2,5 hoặc 3	Cái	VN	5

201	Ống nội khí quản số 4	trẻ em	Cái	VN	12
202	Ống nghiệm natricitrat	100 ống/ hộp	Hộp	VN	1
203	Ống nghiệm Nesler 25ml	thủy tinh, 25ml	Cái	TQ	40
204	Ống nghiệm thủy tinh 5-6ml		Cái	TQ	150
205	Ống sonde nelaton (sonde tiểu)	size 14	Cái	VN	30
206	Ống sonde nelaton (sonde tiểu)	size 10	Cái	VN	18
207	Ống thông tiểu Foley 2 chạc	sz 14	Cái	TQ	11
208	Ống thông tiểu Foley 2 chạc	sz 16	Cái	TQ	32
209	Ống thông tiểu Foley 3 chạc	sz 14	Cái	TQ	10
210	Ống thông tiểu Foley 3 chạc	sz 16	Cái	TQ	20
211	Phễu lọc thủy tinh	ĐK 6 cm, loại thủy tinh dày	Cái	TQ	30
212	Phiếu ghi trẻ bệnh 0 -> 2 tháng tuổi	A0 ép plastic	Cái	VN	10
213	Phiếu ghi trẻ bệnh 2 tháng - > 5 tuổi	A0 ép plastic	Cái	VN	10
214	Quả bóp thụt		Quả	VN	12
215	Quần áo bảo hộ dùng 1 lần			VN	53
216	Quần sơ sinh	Loại dành cho sơ sinh	Chiếc	VN	20
217	Que cấy kim loại 10µl		Cái	VN	5
218	Que cấy kim loại đầu thẳng		Cái	VN	15
219	Que cấy nhựa plastic 1µl		Chiếc	VN	50
220	Que đê lưới vô khuẩn dùng 1 lần	bằng gỗ, dùng 1 lần	Cái	VN	150
221	Que lấy bệnh phẩm ty hầu specimen collection swab		Cái	TQ	200
222	Que nước tiểu siemens	100 que/lọ	Lọ	Đức	2
223	Que tăm bông lấy bệnh phẩm	Cán gỗ vô trùng 100 que/ túi (Theo mẫu)	Túi	VN	2
224	Que thử đường huyết		Hộp	Đức	10

225	Que thử ma túy 4 chân Amvi biotech		Test	VN	30
226	Que thử thử nước tiểu 10 thông số		Test	Đức	100
227	Que tre	Que tre dài 20cm	Kg	VN	6
228	Quy tím	20 tờ/cọc/hộp	Hộp	VN	5
229	Rỗ inox to		Cái	VN	4
230	Săng mỗ có lỗ (dùng 1 lần)	60x80cm (màu xanh)	cái	VN	48
231	Săng mỗ không lỗ (dùng 1 lần)	60x80cm	cái	VN	70
232	Sonde levin	size 16	Cái	VN	45
233	Sonde levin	size 12	Cái	VN	31
234	Sonde levin	size 6	Cái	VN	35
235	Sonde phose	Bộ rửa dạ dày màu cam	Bộ	VN	16
236	Tai silicon		Bộ	TQ	6
237	Tăm bông	100 chiếc/gói 12gói/bịch	Bịch	VN	28
238	Tăm bông thân gỗ	Gói 100c	Gói	VN	50
239	Tăm bông vô khuẩn		Túi	VN	2
240	Test xv	50 khoan/ tube	tube	Anh	2
241	Thìa inox xúc hóa chất	Dài 18cm; có 2 đầu	Cái	TQ	10
242	Thìa pha thuốc trẻ em	loại nhỏ cho trẻ em, inox	Cái	Việt Nam	10
243	Thước dây 1.5m	bấm rút dây tự động	Chiếc	VN	20
244	Thước dây đo may 1.5m	loại dày dặn 2 mặt	cái	VN	15
245	Thước đo chiều cao đứng	loại miếng dán tường	Cái	VN	20
246	Thước Eke góc vuông	15x15cm	Cái	VN	10
247	Tiêu bản thiếu máu		Cái	VN	30
248	Tuarbin (Dùng cho máy đo chức năng hô hấp)		Chiếc	Ý	180
249	Túi zip - số 12	Việt Nam	Cái	VN	100

AN
RUC
10 B
Y T
HÀ I
*

250	Túi zip - số 5	Việt Nam	Cái	VN	50
251	Túi zip - số 6	Việt Nam	Cái	VN	180
252	Túi zip - số 7	Việt Nam	Cái	VN	60
253	Túi zip - số 9	Việt Nam	Cái	VN	280
254	Túi cho ăn bệnh nhân	kích thước 1200ml	Túi	VN	23
255	Túi chườm lạnh	Cao su, màu đỏ	Cái	VN	20
256	Túi chườm nóng	Cao su, màu đỏ	Cái	VN	15
257	Túi đựng máu giả		Cái	VN	17
258	Túi đựng nước tiểu		Túi	VN	80
259	Túi oxy 42 lít	42 lít	Túi	VN	6
260	Vỏ nang số 0		Nang	VN	10000

HÓA CHẤT

261	Chất chuẩn Amoxicillin	200mg/lọ	lọ	Viện kiểm nghiệm thuốc Trung Ương	32
262	Acid Stearic		g	TQ	100
263	Al(OH) ₃ gel khô	500g/lọ	g	TQ	464
264	Alcol cetostearylic	1000g/túi	g	TQ	500
265	Anti A	10ml/lọ	Lọ	Đức	22
266	Anti AB	10ml/lọ	Lo	Đức	22
267	Anti B	10ml/lọ	Lọ	Đức	22
268	Anti D (IgG)	10ml/lọ	Lọ	Đức	2
269	Anti D (IgM)	10ml/lọ	Lọ	Đức	5
270	Benzalkonium clorid		g	TQ	100
271	Bột đường trắng	1000g/túi	g	VN	9000
272	Bơ cacao	1000g/túi	g	VN	1000

273	CaCl ₂		g	TQ	500
274	CaCO ₃	500g/lọ	g	TQ	1000
275	Cephalin- Kaolin (APTT)		ml	Đức	50
276	CK- MB		ml	Đức	112.5
277	Cloral hydart		g	TQ	500
278	Cloramin B	Túi bột 500g	g	TQ	50
279	Clorophyl	500ml/lọ	Lọ	TQ	1
280	Cồn 70 ^o	500ml/chai	lit	VN	48
281	Cồn 96 ^o		lít	VN	10
282	Cồn Cloroform 5%	500ml/lọ	ml	TQ	750
283	Dầu parafin		lít	TQ	24
284	Dầu vừng	Chai 1000ml	ml	VN	2000
285	Diluent - 2 Liss	500ml/ lọ	Lọ	Anh	2
286	Dung dịch acid Periodic 1%	chai 500ml	Chai	Mỹ	1
287	Dung dịch Hematoxylin	chai 500ml	Chai	Đức	1
288	Dung dịch nhuộm Schiff reagent	chai 500ml	Chai	Mỹ	1
289	Đỏ carmin		g	TQ	20
290	Gelcard	exp 2027/6	Hộp	Đức	3
291	Genlatin	Bột	g	TQ	550
292	Glycerin		g	VN	9100
293	H ₂ O ₂	500ml/lọ	ml	TQ	500
294	Hematoxylin	chai 500ml	01 Chai	Đức	1
295	Khôï hông cầu A		ml	VN	250
296	Khôï hông cầu AB		ml	VN	250
297	Khôï hông cầu B		ml	VN	250
298	Khôï hông cầu O		ml	VN	250

299	Huyết tương chuẩn đông máu P	1ml/lọ	ml	Đức	10
300	Huyết thanh Coombs	10ml/lọ	lọ	Đức	2
301	KNO ₃		g	TQ	100
302	KSb(OH) ₆	250g/lọ	g	TQ	500
303	KH ₂ PO ₄		g	TQ	20
304	Lidocain hydroclorid	500g/lọ	g	TQ	200
305	NH ₄ OH		ml	TQ	2500
306	NH ₄ SO ₄		g	TQ	1000
307	QC 2 (Hóa sinh)	5ml/lọ	Lọ	UK (Randox)	5
308	QC 3 (Hóa sinh)	5ml/lọ	Lọ	UK (Randox)	5
309	QC máy máu lắng SFRI hãng ESR 3000	Hãng HDSD	lọ	Ý	5
310	Sorbitol	Bột	g	TQ	2500
311	TEClot APTT-S		Hộp	Đức	1
312	TEClot PT-S		Hộp	Đức	1
313	Test nhanh cúm AB (InfluenzaA/B rapid)		Test	VN	32
314	Test nhanh thử kháng thể viêm gan B		Test	VN	60
315	Test nhanh viêm gan B (HBsAg)		Test	VN	46
316	Test phát hiện kháng nguyên Dengue NS1		Test	VN	36
317	Test phát hiện kháng thể Dengue IgG/IgM		Test	VN	46
318	Test thử ma túy 4 chân Amvi biotech	Hộp 15 test	hộp	VN	2
319	Tinh bột gạo	500g/túi	kg	VN	25
320	Tinh bột gạo	500g/túi	kg	VN	1
321	Tinh dầu hoa hồng		ml	VN	200
322	Tinh dầu quế	1000ml/lọ	ml	VN	1
323	Thuốc nhuộm giemsa mẹ	500 ml/lọ	Lọ	Đức	1

324	Thuốc thử ALT	exp 2027/6	ml	TQ	112.5
325	Thuốc thử AST	exp 2027/6	ml	TQ	112.5
326	Thuốc thử Bilirubin TP (kèm chuẩn)	exp 2027/6	ml	TQ	112.5
327	Thuốc thử Bilirubin TT (kèm chuẩn)	exp 2027/6	ml	TQ	112.5
328	Thuốc thử CK NAC (kèm chuẩn)	exp 2027/6	ml	Đức	112.5
329	Thuốc thử Creatinin (kèm chuẩn)	exp 2027/6	ml	TQ	112.5
330	Thuốc thử Cholesterol TP (kèm chuẩn)	exp 2027/6	ml	TQ	112.5
331	Thuốc thử Glucose (kèm chuẩn)	exp 2027/6	ml	TQ	225
332	Thuốc thử Protein TP (kèm chuẩn)	exp 2027/6	ml	Erba	112.5
333	Thuốc thử Triglycerid (kèm chuẩn)	exp 2027/6	ml	TQ	112.5
334	Thuốc thử Ure (kèm chuẩn)	exp 2027/6	ml	TQ	112.5
335	Triethanolamin	500g/lọ	ml	TQ	500
336	Vaselin		g	TQ	2500
337	Zn(NO ₃) ₂	Bột	g	TQ	210
338	ZnO	500g/lọ	g	TQ	1500

